

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số: 01/2021/LĐ-PT

Ngày: 21-6-2021

V/v “*Tranh chấp về tiền  
lương bảo hiểm xã hội*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Quang;

*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Ngọc Hà và ông Ngô Chiu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy An, Cán bộ tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:** Ông Nguyễn Hùng Việt,  
Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2021/TLPT-LĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp về tiền lương bảo hiểm xã hội*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/LĐ-ST ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mi S, sinh năm 1988; Cư trú: Thôn H, xã Xuân P, huyện ĐX, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Công nghiệp XYZ Việt Nam; Địa chỉ: Đường 24/3, thị trấn S, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Người đại diện hợp pháp ông Đặng Thế S1, sinh năm 1983 – Trưởng phòng hành chính Công ty TNHH Công nghiệp XYZ Việt Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Minh T - Luật sư, Văn phòng Luật sư Số 1, Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; Địa chỉ: Số nhà 265 đường Nguyễn H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội huyện SH; Địa chỉ: Đường B, xã B, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1979 – Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện SH. Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Thị Mi S và bị đơn Công ty TNHH Công nghiệp XYZ Việt Nam.

5. Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:**

Bà Trần Thị Mi S làm việc tại Công ty TNHH Công nghiệp XYZ Việt Nam (gọi tắt là XYZ) từ tháng 3/2012 đến ngày 30/4/2019. Từ tháng 3/2012 đến tháng 12/2017, XYZ giải quyết đủ chế độ lương và BHXH theo các hợp đồng đã được giao kết. Từ ngày 26/2/2018 đến 30/4/2019, bà S tiếp tục làm việc tại Công ty theo hợp đồng lao động số XYZVIL/KXDTH/DX/2018/70243 (gọi tắt HĐ01) kèm theo phụ lục hợp đồng số XYZ/ĐX/PL 2018-2019/70243 (gọi tắt PL01) và hợp đồng lao động số XYZVIL/KXDTH/DX/2018-2019/70243 (gọi tắt HĐ02) kèm theo phụ lục hợp đồng số XYZ/ĐX/2018-2019/EH/70243 (gọi tắt PL02), cụ thể:

- HĐ01: Hợp đồng không xác định thời hạn từ ngày 26/2/2018 làm việc tại thị trấn S, huyện SH, tỉnh Phú Yên; với mức lương 4.515.000đ/tháng. PL01: Tăng mức lương thành 4.775.000đ/tháng, có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2018; cam kết không nghỉ việc trong thời gian vụ mùa.

- HĐ02: Hợp đồng thời vụ 06 tháng từ ngày 09/01/2019 đến ngày 30/6/2019 làm việc tại thị trấn H, huyện ĐX, tỉnh Phú Yên; với mức lương 183.700đ/ngày (4.775.000đ/tháng). PL02: Thỏa thuận về thời gian làm việc, thỏa thuận không nghỉ việc trong thời gian ký hợp đồng.

Ngoài ra, hai bên còn có thỏa thuận tiền thưởng vào ngày 02/01/2019 và ký cam kết làm việc tại Công ty ít nhất 01 năm kể từ ngày 01/01/2019 dưới sự yêu cầu của Công ty ký cam kết vào ngày 21/01/2019 (gọi tắt TTTT).

Ngày 12/2/2019, bà S làm đơn thôi việc gửi qua đường bưu điện cho XYZ với lý do bản thân đang gặp hoàn cảnh khó khăn vì phải chăm sóc 02 con nhỏ thường xuyên ốm đau nên không thể tiếp tục công việc tại Công ty; thời gian thôi việc là từ ngày 01/5/2019. Sau khi Công ty nhận đơn thì trả lời đơn thôi việc không hợp lệ, không được chấp nhận vì cho rằng bà S không thực hiện đúng cam kết đã ký kết trước đây. XYZ khẳng định: Nếu bà S tự ý bỏ việc thì sẽ gửi công văn đến các sở ban ngành để dừng tất cả các chế độ chính sách của bà S vì cho rằng bà S vi phạm luật lao động theo biên bản làm việc giữa XYZ và bà S vào ngày 06/3/2019. Hiện nay, XYZ chưa trả lương cho bà S liên tục 03 tháng, cụ thể: tháng 02/2019 là 6.153.000đ; tháng 03/2019 là 8.391.000đ, tháng 4/2019 là 5.401.000đ. Nay bà S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc XYZ phải thực hiện:

1. Chấp nhận đơn thôi việc của bà S, buộc XYZ ban hành quyết định thôi việc, thanh toán tiền lương 03 tháng 2,3,4/2019 là 19.945.000đ và yêu cầu tính lãi chậm trả lương cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bởi vì việc bà S đơn phương chấm

dứt hợp đồng có căn cứ được quy định tại khoản 3 Điều 37 Bộ luật lao động: đã báo cho người sử dụng lao động trong hạn Bộ luật lao động quy định và có làm đơn xin nghỉ việc, có trình bày lý do xin nghỉ việc là chăm sóc con nhỏ.

2. Buộc XYZ chi trả tiền 04 ngày nghỉ hàng năm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 111, 114 Bộ luật lao động, cụ thể:  $231.000\text{đ}/\text{ngày} \times 4 \text{ ngày} = 925.000\text{đ}$ .

3. Bồi thường thiệt hại do không giải quyết chấm dứt hợp đồng lao động đến nay là 06 tháng và đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống và tinh thần của bà S, cụ thể:  $(4.775.000\text{đ}/\text{tháng} \times 60\%) \times 6 \text{ tháng} = 17.190.000\text{đ}$ .

4. XYZ đã đưa ra quy định ép buộc “không được nghỉ việc trong mùa vụ ép” trong hợp đồng lao động là hoàn toàn trái quy định pháp luật theo quy định tại Điều 50 Bộ luật lao động. Bà S yêu cầu Tòa án tuyên bố một phần hợp đồng lao động đã được ký kết vào ngày 26/02/2018 bị vô hiệu.

5. Yêu cầu Công ty XYZ đình chính lại Công văn gửi Bảo hiểm xã hội và phải công khai xin lỗi bà S.

6. Buộc XYZ có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thất nghiệp là 31.068.505đ (trong đó tiền trợ cấp thất nghiệp là 23.989.000đ; tiền bảo hiểm y tế là 1.079.000đ và tiền trợ cấp học nghề là 6.000.000đ).

7. Đối với yêu cầu phản tố của Công ty XYZ: Việc Tòa án thụ lý là không đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án hủy thông báo thụ lý yêu cầu phản tố của Công ty XYZ. Mặt khác, bà S không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Điều 43 Bộ luật Lao động.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện (Rút yêu cầu bị đơn chi trả tiền trợ cấp thất nghiệp là 23.989.000đ; tiền bảo hiểm y tế là 1.079.000đ và tiền trợ cấp học nghề là 6.000.000đ), chỉ yêu cầu bị đơn trả 03 tháng lương gồm: Tháng 2,3,4/2019 số tiền 19.945.000đ; Tiền nghỉ phép năm 4 ngày số tiền: 925.000đ; Trả lãi tiền lương tháng 2,3,4/2019 và tiền lương phép năm 04 ngày nghỉ theo lãi suất Ngân hàng tính từ tháng 2/2019 đến ngày 29/01/2021; Giải quyết chế độ thôi việc trong thời gian 07 năm làm việc tại công ty từ ngày 26/12/2012 đến ngày 30/4/2019; Buộc XYZ phải công khai xin lỗi do ban hành các văn bản gửi cho các cơ quan ban ngành cho rằng bà S tự ý nghỉ việc; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn; Đề nghị HĐXX tuyên xử việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

***Bị đơn do ông Đặng Thế Siêng đại diện theo ủy quyền trình bày:***

XYZ có ký 02 hợp đồng lao động với bà S, cụ thể: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn vào ngày 26/02/2018 và hợp đồng lao động xác định thời hạn 06 tháng từ ngày 09/01/2019 đến ngày 30/6/2019. Riêng hợp đồng lao động

xác định thời hạn 06 tháng là hợp đồng lao động làm thêm trong vụ để đáp ứng nhu cầu vụ ép của XYZ không có giá trị để đóng các khoản BHXH theo quy định; còn hợp đồng lao động không xác định thời hạn ngày 26/02/2018 là hợp đồng chính, có giá trị pháp lý và dùng để đóng các khoản phúc lợi xã hội cho người lao động. Đồng thời XYZ thống nhất bà S có báo trước việc nghỉ việc trong thời hạn 45 ngày.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty có ý kiến như sau:

1. Căn cứ thông báo thưởng nội bộ đặc biệt năm 2018 ngày 21/02/2019 đã ký giữa bà S với XYZ rằng bà S cam kết làm việc cho Công ty ít nhất 01 năm kể từ ngày 01/01/2019. Căn cứ thỏa ước lao động tập thể ngày 28/11/2018 và hợp đồng lao động có tính chất hoạt động đặc thù theo mùa vụ, người lao động cam kết không nộp đơn thôi việc trong thời gian mùa vụ. Do đó, bà S nộp đơn thôi việc và tự ý nghỉ việc trong thời gian nhà máy đang hoạt động sản xuất là vi phạm các điều khoản hợp đồng, các phụ lục hợp đồng lao động, các cam kết đã được ký kết giữa hai bên do đó đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu đơn phương chấm dứt hợp đồng của bà S, vì trái pháp luật.

2. Sau khi nhận đơn thôi việc của bà S, XYZ đã mời người lao động và đại diện công đoàn cơ sở của công ty làm việc vào các ngày 06/3/2019 và 09/3/2019. Nội dung buổi làm việc XYZ đã nêu rõ quan điểm của Công ty, các căn cứ pháp lý và các thỏa thuận lao động giữa bà S đã ký với XYZ nhưng bà S vẫn giữ nguyên quan điểm chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty nhưng không cung cấp được lý do, theo như bà S nói vì chăm sóc con nhỏ bị bệnh, không cung cấp được xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh để chứng minh. Do đó, hậu quả của việc người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật được giải quyết theo khoản 1, 3 Điều 43 Bộ luật Lao động như sau: Bồi thường nửa tháng tiền lương theo hợp đồng số XYZVIL/KXDTH/DX/2018/70243 ngày 26/02/2018 với giá trị là: 2.387.500đ.

3. Bộ luật Lao động không quy định “thời điểm nào người lao động xin thôi việc” nên việc xác định thời điểm nào thôi việc là sự thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động trong hợp đồng lao động. Do đó, việc XYZ với bà S thỏa thuận trong hợp đồng lao động có nội dung “không thôi việc trong thời gian mùa vụ” là không trái với Bộ luật lao động.

4. XYZ thừa nhận hiện nay đang tạm giữ lương của bà S như: Tháng 2/2019 là 4.790.000đ; lương tháng 3/2019 là 6.694.000đ; lương tháng 4/2019 là 3.970.000đ và tiền lương ngày phép 04 ngày là 734.615đ. Sở dĩ số tiền lương Công ty XYZ giữ lại với số tiền lương mà bà S yêu cầu có khác nhau vì: Tiền lương mà Công ty trình bày như trên không bao gồm tiền thưởng như trong hợp

đồng lao động và phụ lục hợp đồng lao động đã ký kết với bà S. Tiền thưởng này được thanh toán cùng kỳ với số tiền lương hàng tháng theo quy chế tiền thưởng do XYZ ban hành.

5. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của XYZ buộc bà S phải thực hiện các nghĩa vụ đối với XYZ là 122.582.948đ gồm: hoàn trả lại các khoản phí, chi phí khám sức khỏe năm 2019, bảo hiểm y tế năm 2019, đồng phục đã cấp năm 2019 và tiền lương năm 2018 – 2019 là 2.201.142đ; hoàn trả lại toàn bộ số tiền thưởng đặc biệt năm 2018 vì vi phạm cam kết về tiền thưởng và vi phạm cam kết làm việc cho XYZ ít nhất một năm tính từ ngày 01/01/2019 là 3.398.000đ; hoàn lại toàn bộ khoản tiền lương mà XYZ phải trả cho nhân viên mới thay vào vị trí vận hành của bà S để đảm bảo hoạt động sản xuất của nhà máy từ ngày 12/3/2019 đến ngày 29/4/2019 là 9.342.000đ và bồi thường thiệt hại gây ra cho XYZ do bà S tự ý nghỉ việc làm cho dây chuyền nhà máy do người mới vận hành không đạt yêu cầu và dây chuyền sản xuất thường xuyên xảy ra sự cố hoặc ngừng lại, tổng số tiền là 123.830.421đ sau khi đã trừ tiền lương và tiền làm thêm công ty còn giữ lại của bà S.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố đòi nguyên đơn trả số tiền 106.983.948đ về khoản thời gian sự cố phải ngừng nhà máy lại khi bà S vi phạm hợp đồng lao động và tự ý nghỉ việc cho đến khi kết thúc vụ ép và chỉ yêu cầu nguyên đơn trả số tiền 15.599.000đ.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội huyện SH do ông Nguyễn Hữu Lộng là đại diện theo ủy quyền trình bày:*** Đến ngày 01/5/2019 bà S không đóng bảo hiểm xã hội nữa, tức đến ngày 01/5/2019 Bảo hiểm xã hội huyện SH đã chốt sổ bảo hiểm và giao sổ bảo hiểm cho bà S. Đến thời điểm chốt sổ bảo hiểm xã hội thì chị Trần Thị Mi S đã có tổng thời gian tham gia bảo hiểm thất nghiệp là 06 năm 02 tháng. Theo Luật Việc làm, thì người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp được 06 năm thì được hưởng 06 tháng tiền lương bảo hiểm thất nghiệp theo quy định (nếu thất nghiệp và hồ sơ đăng ký thất nghiệp trong vòng 03 tháng kể từ ngày nghỉ việc, tức kể từ ngày chấm dứt hợp đồng). Về trình tự thủ tục được quy định tại Điều 17 Nghị định 28/2015/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn Luật việc làm và Bảo hiểm thất nghiệp. Cụ thể thì Trung tâm giới thiệu việc làm thuộc sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Phú Yên ra Quyết định, sau đó chuyển quyết định này về Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Yên để chi trả.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 01/2021/LĐ-ST ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện SH đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 92, khoản 1 Điều 147 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 & 3 Điều 37, 90, 96, 152, 186, điểm a khoản 1 Điều 201 và khoản 2 Điều 202 của Bộ luật lao động năm 2012;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Mi S. Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp XYZ Việt Nam trả cho nguyên đơn chị Trần Thị Mi S tiền lương tháng 2,3,4/2019 số tiền 15.454.000đ và tiền lãi chậm trả lương theo lãi suất Ngân hàng tính từ tháng 05/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (29/01/2021) là:  $15.454.000đ \times 21 \text{ tháng} \times 0,75\%$  (Theo lãi suất tiết kiệm) = 2.434.000đ cùng tiền lương nghỉ phép 04 ngày của năm 2019 số tiền 734.615đ. Tổng cộng công ty XYZ trả cho bà S số tiền 18.622.620đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Chấp nhận việc nguyên đơn chị Trần Thị Mi S đơn phương chấm dứt hợp lao động với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp XYZ Việt Nam là đúng quy định pháp luật.

3. Chấp nhận một phần đơn phản tố của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp XYZ Việt Nam: Chấp nhận mức lương tháng 2,3,4/2019 số tiền 15.454.000đ và tiền lương nghỉ phép 04 ngày của năm 2019 số tiền 734.615đ.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp XYZ Việt Nam yêu cầu nguyên đơn chị Trần Thị Mi S trả số tiền 15.599.000đ gồm: Tiền công bố trí nhân viên, tiền thưởng đặc biệt năm 2018, tiền bảo hộ đồng phục, tiền khám sức khỏe, bảo hiểm y tế, thu hồi tiền tăng lương và bồi thường thiệt hại do bà S vi phạm cam kết.

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Mi S gồm:

- Yêu cầu bồi thường thiệt hại do không giải quyết chấm dứt giải quyết hợp đồng lao động với tôi đến nay là 06 tháng và đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống và tinh thần số tiền 17.190.000đ.

- Yêu cầu Tòa án tuyên bố một phần hợp đồng lao động đã được ký kết vào ngày 26/2/2018 bị vô hiệu của nguyên đơn.

- Yêu cầu buộc bị đơn xin lỗi công khai của nguyên đơn.

6. Đình chỉ giải quyết vụ án:

6.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Mi S (*rút yêu cầu bị đơn công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp XYZ Việt Nam chi trả tiền trợ cấp thất nghiệp là 23.989.000đ; tiền bảo hiểm y tế là 1.079.000đ và tiền trợ cấp học nghề là 6.000.000đ*).

6.2. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp XYZ Việt Nam (*rút yêu cầu nguyên đơn chị Trần Thị Mi S trả số tiền 106.983.948đ về khoản thời gian sự cố phải ngừng nhà máy lại khi chị Mi Sa vi phạm hợp đồng lao động và tự ý nghỉ việc cho đến khi kết thúc vụ ép là 856 phút*).

7. Về khoản tiền trợ cấp thất nghiệp, nguyên đơn bà S liên hệ yêu cầu cơ quan có chức năng thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quy định về quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 bị đơn Công ty TNHH Công nghiệp XYZ Việt Nam và ngày 23 tháng 02 năm 2021 nguyên đơn bà Trần Thị Mi S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 02/3/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên có Quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/LĐ-ST ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện SH về khoản tiền lãi chậm trả và khoản tiền thưởng đặc biệt năm 2018.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo.

Bị đơn rút một phần kháng cáo về khoản tiền các khoản phí, chi phí khám sức khỏe năm 2019, bảo hiểm y tế năm 2019 – số tiền 2.201.142đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Khi nguyên đơn xin nghỉ việc, XYZ phải bố trí sắp xếp nhân viên khác làm thay công việc của nguyên đơn và đã trả số tiền 15.599.000đ, nay yêu cầu nguyên đơn phải trả lại khoản tiền này. Đối với số tiền thưởng đặc biệt vụ mùa 2018 – 2019: Theo thông báo nội bộ thưởng đặc biệt năm 2018 ngày 21/01/2019 của XYZ tại phần cam kết của nhân viên, bà S đã cam kết “Tôi cam kết làm việc tại công ty ít nhất 01 năm kể từ ngày 01/01/2019. Nếu vi phạm, tôi sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả lại số tiền trên theo quy định của công ty và luật lao động”. Bà S đã vi phạm cam kết này, nên phải trả lại số tiền thưởng đặc biệt đã nhận đợt I là 3.398.000đ; Đối với khoản tiền lãi chậm trả lương đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tính theo Quyết định số 1729/QĐ-NHNN ngày 30/9/2020 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại thời điểm xét xử sơ thẩm 04/02/2021 là 4%/ năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời

điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng năm 2015. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/3/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên và một phần kháng cáo của bị đơn về khoản tiền lãi chậm trả lương và khoản tiền thưởng đặc biệt vụ mùa năm 2018 – 2019 với số tiền 3.398.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn luật định, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên kháng nghị trong thời hạn luật định là kháng cáo, kháng nghị hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Về kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của VKSND tỉnh Phú Yên (về khoản tiền lãi chậm trả lương)*: Ngày 26/02/2018, nguyên đơn làm việc theo HĐ01 và PL01 là hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Bộ luật Lao động. Ngoài ra, giữa nguyên đơn và bị đơn còn giao kết hợp đồng theo mùa vụ 06 tháng từ ngày 09/01/2019 đến ngày 30/6/2019 theo HĐ02 và PL02: Thỏa thuận về thời gian làm việc, thỏa thuận không nghỉ việc trong thời gian ký hợp đồng; thỏa thuận tiền thưởng vào ngày 02/01/2019 và ký cam kết làm việc tại Công ty ít nhất 01 năm kể từ ngày 01/01/2019 có thỏa thuận tiền thưởng ngày 21/01/2019 là hợp đồng lao động theo mùa vụ được quy định tại Điều 37 Bộ luật lao động. Ngày 12/2/2019, bà S làm đơn thôi việc từ ngày 01/5/2019 gửi cho XYZ. Cấp sơ thẩm chấp nhận các Hợp đồng lao động, Phụ lục hợp đồng, thỏa thuận tiền thưởng được ký kết giữa nguyên bị đơn và việc bà S đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động có báo trước 45 ngày cho người sử dụng lao động là phù hợp quy định pháp luật.

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại 17.190.000đ do không giải quyết chấm dứt hợp đồng lao động đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống và tinh thần của nguyên đơn nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh thiệt hại nên cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

[2.2] Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã đưa ra quy định ép buộc “không được nghỉ việc trong mùa vụ ép” trong hợp đồng lao động là trái quy định tại Điều 50 Bộ luật Lao động và yêu cầu Tòa án tuyên bố một phần hợp đồng lao động đã được ký kết vào ngày 26/2/2018 bị vô hiệu: Xét thấy Hợp đồng lao động được nguyên bị đơn tự nguyện thỏa thuận ký kết, nội dung trên để đảm bảo cho hoạt



động bình thường của dây chuyền sản xuất của công ty trong mùa vụ là phù hợp quy định pháp luật về lao động, nội quy lao động, thoả ước lao động tập thể đang áp dụng trong công ty nên yêu cầu này của nguyên đơn không được cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[2.3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn đình chính lại Công văn gửi Bảo hiểm xã hội huyện SH và phải công khai xin lỗi nguyên đơn: Bảo hiểm xã hội huyện SH đã chốt sổ bảo hiểm từ ngày 01/5/2019 kể từ ngày bà S nghỉ việc và không còn đóng bảo hiểm nữa, đã trả lại sổ bảo hiểm cho bà S là phù hợp pháp luật nên yêu cầu này không được cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[2.4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn giải quyết chế độ thôi việc trong thời gian 07 năm làm việc tại công ty từ ngày 26/12/2012 đến ngày 30/4/2019: Đây là vấn đề liên quan đến việc hưởng trợ cấp thất nghiệp, bà S liên hệ yêu cầu cơ quan có chức năng thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật là phù hợp.

[2.5] Về khoản tiền lương: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 03 tháng lương từ tháng 2,3,4/2019 với số tiền 19.945.000đ và cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là bảng lương mà nguyên đơn tự in ra không có xác nhận của XYZ là không phù hợp với quy định pháp luật nên không được coi là chứng cứ. Bị đơn xác nhận hiện nay đang tạm giữ lương của nguyên đơn từ tháng 2,3,4/2019 số tiền 15.454.000đ và tiền lương ngày phép 04 ngày năm 2019 số tiền 734.615đ của nguyên đơn. Như vậy việc chậm trả lương số tiền 15.454.000đ và tiền nghỉ phép năm 2019 số tiền 734.615đ được bị đơn thừa nhận, nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Riêng tiền lãi chậm trả được tính theo lãi suất tiết kiệm là 0,75% là không đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/10/2015 của Chính phủ: “2. Trường hợp đặc biệt do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng không thể trả lương đúng thời hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động thì không được trả chậm quá 01 tháng. Việc người sử dụng lao động phải trả thêm cho người lao động do trả lương chậm được quy định như sau:

a) Nếu thời gian trả lương chậm dưới 15 ngày thì không phải trả thêm;

b) Nếu thời gian trả lương chậm từ 15 ngày trở lên thì phải trả thêm một khoản tiền ít nhất bằng số tiền trả chậm nhân với lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của ngân hàng thương mại, nơi doanh nghiệp, cơ quan mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương.”

Theo Quyết định số 1729/QĐ-NHNN ngày 30/9/2020 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại thời điểm xét xử sơ thẩm 04/02/2021 là 4%/ năm, nên số tiền lãi được tính trên lương chậm trả như sau:

Tháng 2/2019 lương là 4.790.000đ:  $\text{lãi} = 4.790.000 \times 4\% \text{năm} / 12 \text{tháng} \times 23 \text{tháng} 4 \text{ngày} = 369.362\text{đ}$ .

Tháng 3/2019 lương là 6.694.000đ:  $\text{lãi} = 6.694.000 \times 4\% \text{năm} / 12 \text{tháng} \times 22 \text{tháng} 4 \text{ngày} = 493.868\text{đ}$ .

Tháng 4/2019 lương là 3.970.000đ và tiền lương ngày phép 04 ngày (tính từ tháng 1-4/2019) là 734.615đ:  $\text{lãi} = (3.970.000 + 734.615) \times 4\% \text{năm} / 12 \text{tháng} \times 21 \text{tháng} 4 \text{ngày} = 331.414\text{đ}$ .

Cộng lãi: 1.194.644đ. Tổng cộng tiền lương và lãi: 17.383.259đ.

[3] *Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả số tiền 15.599.000đ - Tiền công bố trí nhân viên, tiền bảo hộ đồng phục, tiền khám sức khỏe, bảo hiểm y tế, thu hồi tiền tăng lương của nguyên đơn:*

- Tiền lương bố trí nhân viên thay bà S 12.201.000đ: Bà S đã thông báo trước 45 ngày đúng với quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật lao động, XYZ có đủ thời gian sắp xếp bố trí người thay, bà S không có lỗi nên không phải chịu trách nhiệm này. Việc bị đơn trả tiền cho nhân viên làm thay vị trí của nguyên đơn là trách nhiệm của bị đơn trả lương cho nhân viên của mình.

- Còn các khoản phí, chi phí khám sức khỏe năm 2019, bảo hiểm y tế năm 2019 – số tiền 2.201.142đ: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã rút lại kháng cáo về khoản tiền này. Xét đây là sự tự nguyện không trái pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này của bị đơn.

- Đối với số tiền thưởng đặc biệt năm 2018 – nguyên đơn đã nhận đợt I số tiền 3.398.000đ: Theo thông báo nội bộ thưởng đặc biệt năm 2018 ngày 21/01/2019 của XYZ, tại phần cam kết của nhân viên, bà S đã cam kết “Tôi cam kết làm việc tại công ty ít nhất 01 năm kể từ ngày 01/01/2019. Nếu vi phạm, tôi sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả lại số tiền trên theo quy định của công ty và luật lao động”. Bà S đã vi phạm cam kết này, nên phải trả lại số tiền thưởng đặc biệt đã nhận đợt I là 3.398.000đ. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố này của bị đơn là không đúng với cam kết mà hai bên đã thỏa thuận.

Xét thấy, kháng nghị của VKSND tỉnh Phú Yên, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí; Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn  $(17.383.259\text{đ} - 3.398.000\text{đ}) \times 5\% = 699.263\text{đ}$  và số tiền yêu cầu phản tố không được chấp nhận  $12.201.000\text{đ} \times 5\% =$

610.050đ, tổng cộng là 1.309.313đ và không phải chịu án phí lao động phúc thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 37, các Điều 90, 96, 152, 186, điểm a khoản 1 Điều 201 và khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Lao động năm 2012; các Điều 68, 92, 147, 148 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mi S. Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp XYZ Việt Nam phải trả cho bà Trần Thị Mi S tiền lương các tháng 2,3,4/2019 và tiền lương ngày phép 04 ngày (tính từ tháng 1-4/2019) tổng số tiền 15.454.000đ, tiền lãi 1.194.644đ, tổng cộng lãi và gốc: 17.383.259đ (Mười bảy triệu ba trăm tám mươi ba nghìn hai trăm năm mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Chấp nhận việc nguyên đơn bà Trần Thị Mi S đơn phương chấm dứt hợp lao động với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp XYZ Việt Nam là đúng quy định pháp luật.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp XYZ Việt Nam: Buộc bà Trần Thị Mi S phải trả lại số tiền 3.398.000đ (Ba triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng) cho bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp XYZ Việt Nam về khoản tiền thưởng đặc biệt theo chính sách công ty sau khi kết thúc vụ ép 2018-2019.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp XYZ Việt Nam yêu cầu nguyên đơn bà Trần Thị Mi S trả số tiền 12.201.000đ là tiền công bố trí nhân viên thay cho bà Trần Thị Mi S khi bà S nghỉ việc.

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mi S gồm:

- Yêu cầu buộc bị đơn bồi thường thiệt hại do không giải quyết chấm dứt hợp đồng lao động 06 tháng và đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống và tinh thần của bà S số tiền 17.190.000đ.

- Yêu cầu Tòa án tuyên bố một phần hợp đồng lao động đã được hai bên ký kết vào ngày 26/2/2018 bị vô hiệu.

- Yêu cầu buộc bị đơn xin lỗi công khai.

6. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn về các khoản phí, chi phí khám sức khỏe năm 2019, bảo hiểm y tế năm 2019: số tiền 2.201.142đ.

7. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị.

8. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Mi S được miễn án phí.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp XYZ Việt Nam phải chịu án phí lao động sơ thẩm số tiền 1.309.313đ, được khấu trừ vào số tiền 3.064.000đ đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0014644 ngày 26/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện SH, còn lại 1.754.687đ. Hoàn trả lại cho Công ty XYZ số tiền 1.754.687đ và 300.000đ tạm ứng án phí lao động phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0006332 ngày 01/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện SH, tổng cộng là 2.054.687đ (Hai triệu không trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- TAND cấp huyện;
- Đương sự;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- P.TTNV&THA;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Quang**